|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  Số: /2023/TT-BNNPTNT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ* *[Nghị định số 06/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-06-2022-nd-cp-giam-nhe-phat-thai-khi-nha-kinh-va-bao-ve-tang-o-don-500104.aspx" \t "_blank) ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp.*

Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nguồn phát thải, bể hấp thụ là phát thải, hấp thụ khí nhà kính từ đất có rừng nguyên trạng; các loại đất chuyển thành đất có rừng, bao gồm: đất trồng trọt, đất đồng cỏ, đất ngập nước, đất ở hoặc đất khác; đất có rừng chuyển đổi thành các loại đất trống, bao gồm: đất trồng trọt, đất đồng cỏ, đất ngập nước, đất ở hoặc đất khác.

2. Kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp là hoạt động thu thập thông tin, số liệu về các nguồn phát thải và hấp thụ khí nhà kính; tính toán lượng phát thải, hấp thụ khí nhà kính từ lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp tại một năm xác định.

3. Đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp là hoạt động thu thập, xử lý, quản lý, lưu trữ, cung cấp, kiểm tra thông tin và thẩm định kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp.

4. Kịch bản phát triển thông thường (BAU) là mức phát thải và hấp thụ khí nhà kính trong lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp ở một giai đoạn nhất định trong tương lai khi không áp dụng các biện pháp giảm nhẹ.

5. Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) là cơ quan thuộc Liên hợp quốc có trách nhiệm cung cấp thông tin, cơ sở khoa học về biến đổi khí hậu do con người gây ra, các tác động của biến đổi khí hậu tới tự nhiên, chính trị, kinh tế và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Số liệu hoạt động để kiểm kê khí nhà kính là số liệu hiện trạng và sự thay đổi của việc sử dụng đất, khai thác gỗ, củi trong một khoảng thời gian nhất định có ảnh hưởng đến phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính.

7. Hệ số phát thải, hệ số hấp thụ khí nhà kính là hệ số có thể lượng hóa được lượng phát thải hay hấp thụ của một loại khí theo đơn vị hoạt động.

8. Độ không chắc chắn là mức độ chưa đủ tin cậy của kết quả kiểm kê, nguồn dữ liệu, sai số trong tính toán, đo đạc và mô hình tính toán hoặc một đại lượng nào đó trong quá trình tính toán so với giá trị thực của nó.

# Chương II KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH LĨNH VỰC RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

## Điều 4. Nguyên tắc thực hiện kiểm kê

1. Kỳ thực hiện kiểm kê 2 năm 1 lần, năm kiểm kê lần đầu tiên là năm 2020. Các loại khí kiểm kê, bao gồm; CO2, CH4 và N2O. Các loại khí CH4 và N2O sau khi tính toán được quy đổi thành khí CO2 tương đương (CO2tđ).

2. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho từng vùng kinh tế-xã hội và tổng hợp cho toàn quốc.

3. Tuân thủ hướng dẫn của IPCC về hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

4. Số liệu hoạt động sử dụng cho kiểm kê khí nhà kính được sử dụng từ các dữ liệu sẵn có, tin cậy, nhất quán và minh bạch, trong đó số liệu hoạt động đối với diện tích sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp được lấy từ số liệu không gian.

5. Kiểm kê khí nhà kính thực hiện trên các loại đất theo nguồn phát thải, bể hấp thụ tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

**Điều 5.** **Quy trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính**

1. Lựa chọn phương pháp kiểm kê khí nhà kính.

2. Lựa chọn hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và các hệ số khác.

3. Lựa chọn, thu thập và xử lý số liệu hoạt động.

4. Tính toán phát thải và hấp thụ khí nhà kính.

5. Đánh giá độ không chắc chắn.

6. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính

7. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính.

8. Kiểm soát chất lượng.

9. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính.

## Điều 6. Lựa chọn phương pháp kiểm kê khí nhà kính

Theo Hướng dẫn của IPPC, phương pháp kiểm kê khí nhà kính được chia thành 3 bậc: bậc 1, bậc 2 và bậc 3 với mức độ phức tạp, yêu cầu dữ liệu và độ chính xác tăng dần. Một bậc có thể có nhiều hơn một phương pháp kiểm kê khí nhà kính. Bậc và phương pháp kiểm kê khí nhà kính được lựa chọn theo từng nguồn phát thải, bể hấp thụ và loại khí nhà kính. Đối với lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp bậc áp dụng là: bậc 1, bậc 2 theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I.1 kèm theo Thông tư này.

## Điều 7. Lựa chọn hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và các hệ số khác

1. Căn cứ vào phương pháp kiểm kê khí nhà kính đã lựa chọn tại Điều 6, lựa chọn hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và các hệ số khác theo Phụ lục I.1 kèm theo Thông tư này.

2. Hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và các hệ số khác được lựa chọn từ các nguồn sau:

a) Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

b) Các hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và các hệ số khác chưa được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì áp dụng phương pháp tính toán, xác định và sử dụng hệ số phát thải của chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sử dụng các giá trị theo hướng dẫn của IPCC phiên bản mới nhất.

## Điều 8. Lựa chọn, thu thập, xử lý số liệu hoạt động

1. Căn cứ vào phương pháp kiểm kê khí nhà kính đã lựa chọn tại Điều 6, lựa chọn số liệu hoạt động theo Phụ lục I.1 kèm theo Thông tư này.

2. Thu thập, xử lý số liệu hoạt động và các mẫu biểu thu thập số liệu hoạt động kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Phụ lục I.2 kèm theo Thông tư này.

3. Các nguồn số liệu hoạt động sử dụng để kiểm kê khí nhà kính gồm:

a) Tổng cục Thống kê: Các số liệu thống kê quốc gia.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các số liệu và dữ liệu của ngành lâm nghiệp về rừng và sử dụng đất lâm nghiệp hằng năm và định kỳ.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Các số liệu về hiện trạng và thay đổi sử dụng đất từ chương trình kiểm kê đất đai hằng năm và định kỳ.

## Điều 9. Tính toán phát thải và hấp thụ khí nhà kính

1. Phát thải và hấp thụ khí nhà kính được tính toán theo phương pháp kiểm kê, hệ số phát thải, hệ số hấp thụ, hệ số khác và số liệu hoạt động tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này.

2. Các khí CH4, N2O sau khi xác định được quy đổi sang khí CO2 tương đương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## Điều 10. Đánh giá độ không chắc chắn

1. Đánh giá độ không chắc chắn gồm những nội dung sau:

a) Đánh giá độ không chắc chắn của nguồn dữ liệu, số liệu hoạt động, hệ số phát thải được sử dụng trong kiểm kê khí nhà kính.

b) Đánh giá độ không chắc chắn của kết quả kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp.

2. Phương pháp đánh giá độ không chắc chắn theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I.3 kèm theo Thông tư này.

## Điều 11. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính

Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp của một hoặc nhiều kỳ kiểm kê trước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1. Phát hiện sai sót trong quá trình kiểm kê khí nhà kính.

2. Thay đổi phương pháp kiểm kê khí nhà kính, nguồn số liệu, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và các hệ số khác dẫn đến thay đổi đáng kể kết quả kiểm kê khí nhà kính.

## Điều 12. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính

1. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính gồm các nội dung:

a) Mô tả chung: Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính, số liệu hoạt động và hệ số phát thải, kết quả đánh giá độ không chắc chắn của kiểm kê.

b) Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng, tính toán lại (nếu có)

b) Hoạt động kiểm kê: Phát thải khí nhà kính từ rừng và đất lâm nghiệp, phát thải khí nhà kính từ các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO2.

c) Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính.

d) Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ...

đ) Kết luận và kiến nghị

2. Mẫu báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo Phụ lục I.4 kèm theo Thông tư này.

## Điều 13. Kiểm soát chất lượng

Kiểm soát chất lượng bao gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra sự toàn vẹn, đúng đắn và đầy đủ của số liệu, bao gồm: Kiểm tra các giả thuyết và tiêu chuẩn chọn lựa số liệu hoạt động, hệ số phát thải, hấp thụ và các hệ số khác; kiểm tra lỗi nhập số liệu và tài liệu tham khảo; kiểm tra phần tổng hợp bộ dữ liệu; kiểm tra tính liên tục của dữ liệu; kiểm tra xu thế phát thải, hấp thụ.

2. Kiểm tra và chỉnh sửa các lỗi và thiếu sót, bao gồm: Kiểm tra phương pháp kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra các thông số và đơn vị tính; kiểm tra cách sử dụng các hệ số phát thải, hấp thụ và các hệ số khác; kiểm tra độ không chắc chắn của kết quả kiểm kê; kiếm tra kết quả tính toán lại của các kỳ kiểm kê trước (nếu có).

3. Kiểm tra tài liệu kiểm kê, bao gồm: Kiểm tra tính đầy đủ của tài liệu kiểm kê; rà soát các văn bản, tài liệu lưu trữ.

## Điều 14. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính

1. Tổ chức thẩm định: Cục Lâm nghiệp trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập và tổ chức họp Hội đồng thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: Đại diện Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các đơn vị, chuyên gia có liên quan.

2. Nội dung thẩm định và thời gian thẩm định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo kết luận của Hội đồng thẩm định, nộp cho Cục Lâm nghiệp để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường), làm cơ sở tổng hợp, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia.

# Chương III ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH LĨNH VỰC RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

## Điều 15. Nguyên tắc thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Phạm vi đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được áp dụng cho các biện pháp giảm nhẹ trong Kế hoạch giảm nhẹ phát thải lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Đo đạc, báo cáo, thẩm định phải đảm bảo độ chính xác, tính minh bạch, liên tục và nhất quán.

3. Báo cáo phải thể hiện đầy đủ, chính xác thông tin về phương pháp đo đạc, số liệu hoạt động, hệ số phát thải áp dụng, phương thức quản lý để giảm phát thải khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Báo cáo phải bảo đảm tính toàn diện của các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Thẩm định kết quả giảm nhẹ được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Thông tư 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Điều 16. Quy trình thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

1. Xác định phạm vi các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Xây dựng BAU của các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

3. Đo đạc kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Xây dựng phương án giám sát, đánh giá các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

5. Xây dựng báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

6. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

## Điều 17. Xác định phạm vi các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp xác định phạm vi các biện pháp giảm nhẹ khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên bộ tiêu chí xác định khu vực thực hiện các biện pháp giảm nhẹ theo khoản 1 Điều này để tổ chức, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp, xác định ranh giới các biện pháp giảm nhẹ phù hợp để thực hiện đo đạc, báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và gửi kết quả về Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp thông qua hệ thống báo cáo, thống kê của lĩnh vực lâm nghiệp.

## Điều 18. Xây dựng BAU của các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. BAU của từng biện pháp giảm nhẹ được xây dựng cho từng năm trong giai đoạn đến năm 2030 và cho tất cả các nguồn phát thải, bể hấp thụ được thực hiện kiểm kê khí nhà kính trong khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Năm cơ sở để xây dựng BAU theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giai đoạn tham chiếu để xây dựng BAU là 10 năm trước năm cơ sở.

3. Trình tự xây dựng BAU của một biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính như sau:

a) Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho biện pháp giảm nhẹ trong giai đoạn tham chiếu với tần suất 2 năm một lần theo phương pháp kiểm kê khí nhà kính và hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và hệ số khác được lựa chọn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư này. Số liệu hoạt động không gian của biện pháp giảm nhẹ được tạo ra bằng cách lấy số liệu hoạt động được lựa chọn theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này chồng xếp lên khu vực tác động của biện pháp giảm nhẹ. Số liệu hoạt động phi không gian của biện pháp giảm nhẹ được tính toán theo tỷ lệ diện tích của khu vực tác động của biện pháp giảm nhẹ.

b) Xây dựng BAU của biện pháp giảm nhẹ căn cứ trên kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn tham chiếu, hiện trạng về phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trong giai đoạn tham chiếu, kịch bản về phát triển kinh tế - xã hội và dự báo nhu cầu sử dụng đất có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trong giai đoạn đến năm 2030.

4. BAU được cập nhật trong báo cáo kết quả giảm nhẹ khi có thay đổi trong kết quả kiểm kê khí nhà kính tại các kỳ kiểm kê trong giai đoạn tham chiếu.

## Điều 19. Đo đạc kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho từng biện pháp giảm nhẹ trong một năm theo phương pháp kiểm kê khí nhà kính và hệ số phát thải, hệ số hấp thụ và hệ số khác được lựa chọn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư này. Số liệu hoạt động không gian của từng biện pháp giảm nhẹ được tạo ra bằng cách lấy số liệu hoạt động được lựa chọn theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này chồng xếp lên khu vực tác động của từng biện pháp giảm nhẹ. Số liệu hoạt động phi không gian của từng biện pháp giảm nhẹ được tính toán theo tỷ lệ diện tích của khu vực tác động của từng biện pháp giảm nhẹ.

2. Lượng giảm phát thải hoặc tăng hấp thụ khí nhà kính trong một năm của một biện pháp giảm nhẹ được tính theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| 𝐸𝑅d = *BE*d - *PE*d | (1) |

Trong đó:

*ER*d là lượng giảm phát thải hoặc tăng hấp thụ khí nhà kính đạt được trong một năm của một biện pháp giảm nhẹ *d* (tCO2tđ).

*BE*d là tổng lượng phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính theo đường BAU trong một năm của một biện pháp giảm nhẹ *d* (tCO2tđ). BAU của một biện giảm nhẹ được xây dựng theo Điều 18 của Thông tư này.

*PE*d là tổng lượng phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính thực tế trong một năm của một biện pháp giảm nhẹ *d* (tCO2tđ). *PE*d được tính toán tại khoản 1 Điều này.

3. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong một năm được tính theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| 𝐸𝑅LN = | (2) |

Trong đó:

𝐸𝑅LN là lượng giảm phát thải hoặc tăng hấp thụ khí nhà kính đạt được trong một năm (tCO2tđ) của các biện pháp giảm nhẹ.

*ER*d là lượng giảm phát thải hoặc tăng hấp thụ trong một năm của một biện pháp giảm nhẹ *d* (tCO2tđ).

4. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong một giai đoạn bằng tổng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các năm trong giai đoạn đó.

**Điều 20. Xây dựng phương án giám sát, đánh giá các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.**

1. Phương án giám sát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thông tin về hệ thống giám sát, vai trò và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống giám sát, nguồn lực và công cụ cần thiết để thực hiện giám sát.

b) Thông tin về các phương pháp tính toán mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các biện pháp giảm nhẹ.

c) Thông tin về các thông số cần được đo đạc, tần suất và cách thức thực hiện đo đạc.

d) Thông tin về hệ thống quản lý, lưu trữ số liệu được thu thập

2. Phương án giám sát phải được thể hiện trong báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phải được cập nhật khi có thay đổi trong quá trình tổ chức thực hiện.

## Điều 21. Xây dựng báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Báo cáo kết quả giảm nhẹ gồm các nội dung sau:

a) Thông tin chung: Mục tiêu chung của lĩnh vực, đường phát thải cơ sở của lĩnh vực, các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

b) Kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

c) Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

d) Hoạt động giám sát, đánh giá

đ) Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

2. Mẫu báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

## Điều 22. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Tổ chức thẩm định: Cục Lâm nghiệp trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập và tổ chức họp Hội đồng thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: đại diện Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các đơn vị, các chuyên gia có chuyên môn phù hợp.

2. Nội dung và thời gian thẩm định theo khoản 2, khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo giảm nhẹ tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo theo kết luận của Hội đồng thẩm định, gửi Cục Lâm nghiệp.

4. Cục Lâm nghiệp lập báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

# Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng…. năm 2023.

## Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Cục Lâm nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và chủ trì tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm tham gia thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ khí nhà kính lĩnh vực rừng và đất lâm nghiệp, tiếp nhận và tổng hợp kết quả chung, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Lâm nghiệp) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&PTNT;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo, Cổng TTĐT của Chính phủ;  - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cổng TTĐT của Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Lưu: VT, PC, LN. | **BỘ TRƯỞNG****Lê Minh Hoan** |